

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-ST

Ngày: 10-9-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-DS ngày 18-7-2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 388/NHNo.IGĐGL-TH-GUQ ngày 09-9-2021 của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai): Ông Võ Văn Sanh; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Quản Đức P; Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng Giao dịch S có cho ông Quản Đức P vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 12460917/2019/HĐTD ngày 13-9-2017 như sau: Số tiền vay là 270.000.000 đồng; mục đích vay là chăm sóc 01 ha cà phê, 200 trụ tiêu và sửa chữa nhà ở; thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 13-9-2017 đến ngày 11-9-2019; lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm; phương thức trả nợ lãi 03 tháng/lần, gốc trả 02 kỳ.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông Quản Đức P có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 2742017/HĐTC ngày 11-9-2017, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 122 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624899 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2017 cho ông Quản Đức P; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 65, tờ bản đồ số 122 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624900 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2017 cho bà Dương Thị A và ông Quản Đức P là người nhận thừa kế.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông P chỉ trả tiền lãi từ ngày 13-9-2017 đến ngày 13-6-2018, số tiền đã trả là 22.295.343 đồng, sau đó không tiếp tục trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên đến ngày 12-9-2018 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và ngày 12-9-2019 đã chuyển số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Do ông Quản Đức P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Quản Đức P phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 10-9-2021 là 405.910.832 đồng, trong đó nợ gốc là 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.323.288 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.650.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.937.544 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Quản Đức P không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Quản Đức P đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Quản Đức P cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Quản Đức P.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 12460917/2019/HĐTD ngày 13-9-2017; Bảng kê tính lãi ngày 22-11-2020 và ngày 10-9-2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 2742017/HĐTC ngày 11-9-2017; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11-9-2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624899 ngày 18-01-2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624900 ngày 18-01-2017; Giấy báo nợ đến hạn ngày 31-8-2018; Thông báo chuyển nợ quá hạn 12-9-2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; Quyết định ủy quyền ngày 27-12-2019; Thông báo về việc ủy quyền hết hiệu lực số 506/NHNo.IGĐGL-KHKD ngày 01-7-2021; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152/QĐ- NHNo –TCTL ngày 17-6-2021; Giấy ủy quyền số 388/NHNo.IGĐGL-TH-GUQ ngày 09-9-2021; Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 18-12-2019; Quyết định ban hành Điều lệ ngày 23-4-2012; Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-4-2021.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải

quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 12460917/2019/HĐTD ngày 13-9-2017 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Quản Đức P phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 10-9-2021 là 405.910.832 đồng, trong đó nợ gốc là 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.323.288 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.650.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.937.544 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Quản Đức P có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2742017/HĐTC ngày 11-9-2017, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 122 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624899 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2017 cho ông Quản Đức P; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 65, tờ bản đồ số 122 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624900 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2017 cho bà Dương Thị A và ông Quản Đức P là người nhận thừa kế. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 14-4-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Quản Đức P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Quản Đức P phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 12460917/2019/HĐTD ngày 13-9-2017 tính đến ngày 10-9-2021 là 405.910.832 đồng (bốn trăm không năm triệu chín trăm mười nghìn tám trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 29.323.288 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 100.650.000 đồng (một trăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.937.544 đồng (năm triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Quản Đức P không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2742017/HĐTC ngày 11-9-2017, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 122 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624899 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2017 cho ông Quản Đức P; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 65, tờ bản đồ số 122 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624900 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2017 cho bà Dương Thị A và ông Quản Đức P là người nhận thừa kế.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Quản Đức P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Quản Đức P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.236.433 đồng (hai mươi triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.131.980 đồng (chín triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011822 ngày 08-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính